



LỢI ÍCH AN NINH HÀNG HẢI CỦA NHẬT BẢN Ở ĐÔNG NAM Á VÀ TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG

Nguồn: Ian Storey (2013). "Japan's maritime security interests in Southeast Asia and the South China Sea disputes", *Political Science*, Vol. 65, No. 2, pp. 135–156.

Biên dịch: Lưu Bảo Nam Dung | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Lợi ích an ninh cốt lõi của Nhật Bản ở Đông Nam Á là an toàn và an ninh của các tuyến đường biển khu vực. Trong nhiều năm qua, Nhật Bản đã bày tỏ mối quan ngại ngày càng lớn về những căng thẳng đang được đẩy lên cao ở Biển Đông và việc các bên yêu sách không đạt được tiến bộ nào trong việc đàm phán các cơ chế quản lý xung đột hiệu quả. Nhật Bản không phải là một bên tranh chấp, nhưng là một quốc gia thương mại hàng hải lớn, nó là một bên liên quan quan trọng. Nhật có hai mối quan ngại lớn đối với Biển Đông. Thứ nhất, sự bất ổn có khả năng làm gián đoạn dòng chảy tự do của thương mại hàng hải mà sự thịnh vượng của nền kinh tế Nhật phụ thuộc vào rất nhiều. Thứ hai, nếu Trung Quốc có thể thuyết phục hoặc ép buộc các quốc gia Châu Á khác thừa nhận "quyền lịch sử" mà nó yêu sách ở Biển Đông thì các chuẩn mực luật pháp quốc tế hiện hành sẽ bị xói mòn. Hơn nữa, Tokyo lo ngại trước thái độ cứng rắn ngày càng tăng của Trung Quốc trong vấn đề hàng hải, và nhìn nhận các tranh chấp ở Biển Đông và Hoa Đông là có liên quan với nhau. Để giảm bớt mối lo ngại đối với Biển Đông, Nhật Bản đang theo đuổi một số chính sách: đưa vấn đề ra tại các diễn đàn an ninh khu vực, tìm kiếm cơ hội phát triển hợp tác với Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về vấn đề an ninh hàng hải và khuyến khích sự đoàn kết trong nội bộ tổ chức về vấn đề Biển Đông; thảo luận song phương với các quốc gia Đông Nam Á và bắt đầu cung cấp hỗ trợ nâng cao năng lực cho các bên yêu sách được lựa chọn (chủ yếu là Philippines); và

tìm kiếm những sự liên kết chặt chẽ hơn với những bên liên quan khác vốn cùng chia sẻ những mối quan ngại đó.

Trong nhiều năm qua, các chính trị gia, học giả và quan chức an ninh Nhật Bản đã nhận thấy một sự xấu đi rõ ràng trong môi trường an ninh của quốc gia. Chẳng hạn, vào tháng 6/2013, tại Đối thoại Shangri-La diễn ra thường niên tại Singapore, Bộ trưởng Quốc phòng Itsunori Onodera đã mô tả môi trường an ninh Nhật Bản là “đang ngày càng nghiêm trọng hơn”, một đánh giá đã được thể hiện trong Sách Trắng phát hành bởi Bộ Quốc phòng cách đó một tháng.¹ Nguyên nhân của sự sụt giảm này được cho là bởi hai sự phát triển quan trọng. Thứ nhất, chương trình vũ khí hạt nhân và tên lửa đạn đạo của Bắc Triều Tiên mà Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Fumio Kishida đã cảnh báo là một “mối đe dọa nghiêm trọng đến hoà bình và ổn định khu vực”.² Thứ hai, những thách thức an ninh đi kèm với sự nổi lên của Trung Quốc, đặc biệt là tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc và Nhật Bản tại quần đảo Senkaku/Diaoyu ở Biển Hoa Đông, quá trình hiện đại hoá nhanh chóng của Giải phóng quân nhân dân (PLA) và căng thẳng tiếp diễn giữa 6 bên (Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Philippines, Malaysia và Brunei) đối với vấn đề tranh chấp lãnh thổ và biên giới biển ở Biển Đông.³

Liên quan đến thách thức thứ hai trong những thách thức trên, hầu hết sự quan tâm của các học giả và giới truyền thông là dành cho tranh chấp Senkaku/Diaoyu.⁴ Mặc dù Nhật Bản nhận định tình hình an ninh ở Bán đảo Triều Tiên là mối quan ngại chính, nhưng trên thực tế, nguy cơ đụng độ với quân đội Trung Quốc về quần đảo Senkaku/Diaoyu lại cao hơn nhiều so với việc Lực lượng Tự vệ Nhật Bản (SDF) bị lôi vào tranh chấp giữa Bắc và Nam Triều Tiên. Đó là vì từ khi Tokyo “quốc hữu hoá” ba trong số các đảo san hô vào tháng 9 năm 2012, Trung Quốc đã bắt đầu thách thức chính quyền Nhật Bản về Senkaku/Diaoyu bằng cách tăng dần sự hiện diện của Hải quân PLA và các tàu của các cơ quan hàng hải dân

¹ Itsunori Onodera, ‘Defending National Interests; Preventing Conflict’, Đối thoại Shangri-La 2013, Second Plenary Session (1 June 2013), có tại: <http://www.iiss.org/en/events/shangri%20la%20dialogue/archive/shangri-la-dialogue-2013-c890/second-plenary-session-8bc4/onodera-d174>; Defense of Japan 2013 (Tokyo: Ministry of Defense, 2013), p. 1, bản dịch tạm có tại: http://www.mod.go.jp/e/publ/w_paper/2013.html

² Diễn văn của Ngài Fumio Kishida, Bộ trưởng Ngoại giao Nhật Bản, tại Hội nghị Quốc tế lần thứ 19 về ‘Tương lai của Châu Á’ ở Khách sạn Imperial, Tokyo, 23 Tháng 5, 2013, xem tại: http://www.mofa.go.jp/page3e_000057.html

³ Bộ Quốc phòng Nhật Bản 2013, trang 4

⁴ Ví dụ, xem trong International Crisis Group, Dangerous Waters: China–Japan Relations on the Rocks, *Asia Report* No. 245 (8 April 2013), xem tại: http://www.crisis-group.org/*/*/media/Files/asia/north-east-asia/245-dangerous-waters-china-japan-relations-on-the-rocks.pdf

sự tại các vùng biển bao quanh quần đảo.⁵ Theo Bộ Quốc phòng Nhật Bản, số các vụ xâm nhập của tàu chính phủ Trung Quốc vào vùng nước lãnh thổ của các đảo san hô tranh chấp tăng từ 0 năm 2010 lên 23 vào năm 2012 và 21 nội trong bốn tháng đầu của năm 2013.⁶ Khả năng về một cuộc đụng độ tình cờ giữa các lực lượng có vũ trang của hai nước càng rõ hơn vào tháng 1 năm 2013, khi Nhật Bản cáo buộc tàu khu trục Trung Quốc đã hướng radar kiểm soát đạn của chúng về phía một trực thăng hải quân và tàu khu trục của Nhật Bản.⁷

Với sự thiếu vắng các cơ chế ngăn chặn xung đột hiệu quả và các kênh đối thoại thường xuyên, một sự cố nhỏ giữa lực lượng vũ trang Trung Quốc và Nhật Bản có thể nhanh chóng leo thang thành một cuộc khủng hoảng quân sự và ngoại giao, làm cho mọi thứ trở nên nghiêm trọng hơn bởi thực tế rằng Washington coi Senkaku/Diaoyu nằm trong phạm vi áp dụng của Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật và sẽ có nghĩa vụ hỗ trợ Nhật Bản về mặt quân sự.⁸

Ngược lại, những quan điểm của Nhật về tranh chấp Biển Đông, và chính sách mà chính phủ áp dụng để đối phó với những căng thẳng đang nổi lên từ 2007/2008, lại nhận được rất ít sự chú ý từ giới học giả và truyền thông, ít nhất là bằng tiếng Anh.⁹ Điều này là đáng ngạc nhiên vì nhiều lý do. Thứ nhất, kể từ khi nền kinh tế Nhật khởi sắc vào những năm 1960, an ninh các tuyến đường liên lạc trên biển (SLOC) được các nhà hoạch định chính sách xem là cực kỳ quan trọng đối với an ninh quốc gia. Là một nước nghèo tài nguyên mà sự thịnh vượng phụ thuộc vào tăng trưởng xuất khẩu, bất cứ mối đe dọa nào đối với sự lưu thông tự do của thương mại hàng hải cũng được xem như ảnh hưởng đến sự sinh tồn. Một

⁵ Như trên.,p.i.

⁶ Xem hình 111-1-1-2, 'Number of Incursions into the Territorial Waters Around the Senkaku Islands Performed by Chinese Government Ships', Trong Quốc phòng Nhật Bản 2013 (không có số trang).

⁷ Như trên.,p.i.

⁸ Mặc dù các quan chức Trung Quốc và Nhật Bản đã thảo luận về các cơ chế ngăn chặn xung đột nhưng không có cơ chế nào được thực hiện. Đọc thêm James Przystup, John Bradford và James Manicom, 'Japan-China Maritime Confidence Building and Communications Mechanisms', PacNet#67 (20/8/ 2013), tại: <http://csis.org/publication/pacnet-67-japan-china-maritime-confidence-building-and-communications-mechanisms>; Mark E. Manyin, Tranh chấp quần đảo Senkaku (Diaoyu/ Diaoyutai): U.S. Treaty Obligations, Congressional Research Service (22/1/2013), trang 5, tại: <http://www.fas.org/sgp/crs/row/R42761.pdf>

⁹ Đọc Euan Graham, *Japan's Sea Lane Security, 1940-2004: A matter of life and death?* (London and New York, NY: Routledge, 2006); Yoichiro Sato, 'Japan Aid to the Philippines a Warning to China', *East Asia Forum* (29/8/2013), tại: <http://www.east-asiaforum.org/2013/08/29/japan-aid-to-the-philippines-a-warning-to-china/>; Tetsuo Katani, 'What China Wants in the South China Sea', *The Diplomat* (18 /7/ 2011), tại: <http://thediplomat.com/2011/07/18/why-china-wants-the-south-china-sea/>. Một phiên bản trước đó của bài báo này đã từng được viết bởi Ian Storey, 'Japan's Growing Againts over the South China Sea', *ISEAS Perspective*, Số 20, ISEAS (8/4/2013), tại: http://www.iseas.edu.sg/documents/publication/ISEAS_Perspective%202013_20.pdf; Đọc Ian Storey, 'Japan Steps Up to the South China Sea Plate', *Wall Street Journal* (10/7/ 2012).

vài SLOC quan trọng nhất của Nhật đi qua biển Đông, và các đòi hỏi tương liên tiếp đều đầu tư các nguồn tài chính đáng kể để bảo đảm chúng. Vì vậy, trong khi Nhật không phải là một bên tranh chấp trên biển Đông, nó cũng là một bên liên quan quan trọng trong cuộc tranh chấp và bày tỏ một sự quan tâm mạnh mẽ tới việc duy trì ổn định. Thứ hai, đứng trên quan điểm của Nhật Bản, các tranh chấp ở Biển Đông và Biển Hoa Đông là không thể tách rời. Đối với Tokyo, chiến lược của Bắc Kinh tại hai biển này, về mặt ý định và mục đích, là như nhau, và Nhật Bản ngày càng bày tỏ mối lo ngại rằng những hành động của Trung Quốc ở cả hai khu vực này là có nguy cơ phá hoại các quy chuẩn luật pháp quốc tế, tự do hàng hải và hoà bình, ổn định ở Châu Á – Thái Bình Dương. Thứ ba, những phản hồi của Nhật Bản đối với tranh chấp Biển Đông minh hoạ cho các nhân tố trung tâm của chính sách đối ngoại và quốc phòng giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh: một mong muốn mạnh mẽ trong việc giải quyết các vấn đề an ninh đa phương tại các diễn đàn an ninh khu vực; tăng cường liên minh với Mỹ; và hỗ trợ nâng cao năng lực trên nền tảng song phương trong phạm vi hiến pháp và luật pháp cho phép.

Mục đích của bài viết này là lấp khoảng trống trong văn liệu về cảm nhận cũng như chính sách của Nhật Bản đối với tranh chấp Biển Đông. Bài viết bắt đầu bằng việc phân tích tầm quan trọng trung tâm của khu vực hàng hải Đông Nam Á đối với an ninh kinh tế và quốc gia của Nhật, và cách những mối quan ngại của Tokyo phát triển trong vòng 5 thập kỷ qua: từ an toàn hàng hải, đến các mối đe dọa xuyên quốc gia, đến những tuyên bố bành trướng và lập trường xác quyết của Trung Quốc ở Biển Đông. Bài báo xác định tiếp những mối quan ngại của Nhật Bản ở Biển Đông từ cuối những năm 2000, tức tác động tiêu cực có thể có đối với các quy chuẩn pháp luật và an ninh các tuyến đường biển, và cách các nhà phân tích Nhật Bản nhìn nhận các tranh chấp Biển Đông và Hoa Đông là có liên quan đến nhau. Tiếp đó, bài viết phân tích bốn phản ứng chính sách chính của Nhật Bản để đối phó với vấn đề: đa phương hoá và quốc tế hoá tranh chấp; tăng cường hợp tác với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về vấn đề an ninh hàng hải và thúc đẩy đoàn kết trong tổ chức về Biển Đông; tăng cường hỗ trợ nâng cao năng lực đối với một số bên yếu sách thuộc ASEAN, chủ yếu là Philippines; và tăng cường mối quan hệ và điều phối chính sách với Mỹ, và trong tương lai, với các nước khác, như Ấn Độ và Úc.

Nhật Bản và an ninh hàng hải ở Đông Nam Á

Vào cuối cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Mỹ mong muốn giải giáp, phi quân sự hoá và dân chủ hoá Nhật Bản. Vào năm 1947, quốc gia bại trận bị buộc phải

chấp nhận cái gọi là Hiệp ước Hoà bình mà trong đó, ở điều 9, Nhật Bản tuyên bố từ bỏ chiến tranh như là một quyền chủ quyền của mình và từ bỏ quyền sử dụng bạo lực để giải quyết các tranh chấp quốc tế.¹⁰ Như là một phương tiện để xây dựng lại nguồn lực quốc gia và lấy lại vị thế siêu cường, nhà lãnh đạo nhiều ảnh hưởng nhất của Nhật Bản thời hậu chiến, Thủ tướng Shigeru Yoshida, kiến tạo ra một bộ nguyên tắc hướng dẫn chính sách đối ngoại của đất nước trong nhiều thập niên tới. Học thuyết Yoshida, như cách nó thường được gọi, nêu rõ ba nguyên tắc chính.¹¹ Đầu tiên, mục tiêu quốc gia của Nhật Bản là phục hồi kinh tế. Thứ hai, Nhật Bản sẽ vũ trang ở mức thấp và tránh các mối quan hệ đối ngoại phức tạp trong các vấn đề chính trị - chiến lược quốc tế. Thứ ba, an ninh dài hạn của Nhật Bản phụ thuộc vào mối quan hệ thân thiết với Mỹ và sự hiện diện của quân đội nước này ở Nhật. Mặc dù hậu quả của Chiến tranh Lạnh dẫn đến việc Mỹ khuyến khích Nhật Bản tái vũ trang nhưng Điều 9 đã được diễn giải lại để cho phép quyền được tự vệ (và vì vậy dẫn đến sự ra đời của SDF vào năm 1954), nhưng Học thuyết Yoshida vẫn, theo Kenneth Pyle, là “một sự đồng thuận quốc gia”¹².

Sự chú tâm của Nhật Bản đối với phát triển kinh tế có ý nghĩa là Đông Nam Á trở nên có một vị trí quan trọng trong các chính sách thương mại, đối ngoại và an ninh của đất nước. Một cách đơn giản, một Nhật Bản nghèo tài nguyên cần tiếp cận hàng hoá và thực phẩm, và khi nền kinh tế bùng nổ vào những năm 1960 và 1970, Đông Nam Á trở thành một điểm đến quan trọng cho các hàng hoá chế tạo và sự đầu tư của người Nhật. Lợi ích của Nhật tại Đông Nam Á phụ thuộc vào dòng chảy tự do của thương mại hàng hải thông qua các nút thắt chiến lược khu vực – như Singapore, Malacca, Sunda, Lombok và eo biển Makassar – và Biển Đông. An ninh đường biển vì vậy trở thành mối quan tâm an ninh quốc gia của Nhật Bản, như nó đã từng là mối quan tâm của các cường quốc thương mại hàng hải trong lịch sử, như Hà Lan, Bồ Đào Nha, Anh và Mỹ. Tuy nhiên, không giống những nước này, Nhật Bản bị giới hạn trong việc sử dụng nguồn lực hải quân để đảm bảo các lợi ích hàng hải. Lực lượng tự vệ hàng hải Nhật Bản (JMSDF) bị Hiến pháp giới hạn vào việc bảo vệ tổ quốc, và mãi đến những năm 1980, hải quân mới được phép bảo vệ các SLOC của đất nước ra đến 1.000 hải lý.¹³ Thứ hai, di sản mà

¹⁰ Bản copy Hiến pháp 1947 xem tại: http://www.kantei.go.jp/foreign/constitution_and_government_of_japan/constitution_e.html

¹¹ Kenneth B. Pyle, *Japan Rising: The Resurgence of Japanese Power and Purpose* (New York, NY: Public Affairs, 2007), trang 242; Michael B. Yahuda, *The International Politics of the Asia-Pacific, 1945–1995* (London và New York, NY: Routledge, 1996), trang 238.

¹² Pyle, *Japan Rising*, trang 242

¹³ James Manicom, ‘Japan’s Role in Strengthening Maritime Security in Southeast Asia’, trong John Bradford, James Manicom, Sheldon W. Simon et al. (eds), *Maritime Security in Southeast Asia: U.S., Japanese, and Industry Strategies* (Seattle, WA: National Bureau of Asian Research, 2010), trang 33.

sự xâm lược Nhật Bản để lại ở Đông Nam Á trong suốt cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ hai khiến các nước trong khu vực như Indonesia, Malaysia và Singapore thấy một vai trò an ninh cởi mở của Nhật là khó chấp nhận được. Thay vì thế, và để thống nhất với nguyên tắc thứ ba của học thuyết Yoshida, Nhật Bản phụ thuộc rất nhiều vào hải quân Hoa Kỳ để duy trì sự tự do hàng hải ở Đông Nam Á và xa hơn nữa. Tuy nhiên, Nhật không phải là kẻ ngồi không hưởng lợi, và đã chủ động trong việc dành sự hỗ trợ nâng cao năng lực cho các nước ven biển như Indonesia và Malaysia để bảo đảm lợi ích hàng hải của mình. Bằng cách này, Euan Graham giải thích, Nhật Bản đã áp dụng một cách tiếp cận “tổng hợp” “hoà quyện ngoại giao công và tư (thông qua các tổ chức phi chính phủ và kinh tế) cũng như dựa vào các nước ven biển khác để theo đuổi các khía cạnh mang tính đối kháng hơn về tự do hàng hải trong khu vực”.¹⁴

Cơ chế chính mà thông qua đó Nhật Bản đã cung cấp hỗ trợ cho các nước ven biển là Hội đồng eo biển Malacca (MSC), thành lập vào năm 1968 và do chính phủ Nhật và các công ty đóng tàu tư nhân Nhật Bản hỗ trợ tài chính. MSC tài trợ cho các cuộc nghiên cứu thủy văn ở eo biển Malacca và bỏ tiền ra mua, cài đặt và duy trì những thiết bị hỗ trợ giao thông hàng hải như phao, đèn hiệu, hải đăng và một đề án phân luồng giao thông.¹⁵ Theo Graham, trong giai đoạn 1968 đến 2001, MSC đã cung cấp 13 tỉ Yên trong việc hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các nước ven biển.¹⁶ Sự hỗ trợ của Nhật dành cho MSC được tạo ra để tăng cường an ninh kinh tế của đất nước và vì thế, vượt xa cả sự rộng lượng thông thường. Tuy nhiên, sự hỗ trợ của Nhật Bản đã đảm bảo được sự an toàn đi lại cho tất cả tàu thuyền, một hàng hóa công quan trọng đối với việc mở rộng thương mại thế giới và sự lan truyền của toàn cầu hoá.

Phản ứng đối với các thách thức an ninh hàng hải trong kỷ nguyên hậu Chiến tranh Lạnh

Chiến tranh Lạnh kết thúc, Nhật Bản đối mặt với một môi trường an ninh đã bị thay đổi và các thách thức đối với lợi ích của mình từ cả các chủ thể quốc gia và phi quốc gia. Sau năm 1991, mối đe dọa do Liên Xô tạo ra nhanh chóng bị xua tan. Nhưng khi thập niên đó trôi qua, Nhật dần trở nên lo sợ chương trình hạt nhân và tên lửa đạn đạo của Bắc Triều Tiên (được minh hoạ bằng khủng hoảng hạt nhân

¹⁴ Graham, *Japan's Sea Lane Security*, trang 152.

¹⁵ Yaacov Y.I. Vertzberger, *Coastal States, Regional Powers, Superpowers and the Malacca-Singapore Straits* (Berkeley, CA: University of California, 1984), trang 9.

¹⁶ Graham, *Japan's Sea Lane Security*, trang 163

năm 1994 và sự kiện tên lửa Taepodong năm 1998), cũng như khả năng quân sự ngày càng phát triển và sự sẵn sàng áp dụng cơ chế cưỡng ép để theo đuổi các mục tiêu quốc gia của Trung Quốc, như trong sự kiện Eo biển Đài Loan năm 1995/1996. Nhưng như Bhubhinder Singh đã lập luận, mặc dù hàng loạt các cuộc khủng hoảng này báo động một khu vực láng giềng nhiều thách thức hơn, Nhật Bản đã không phản ứng lại bằng cách áp dụng một chính sách chiến lược độc lập so với Mỹ, tăng chi tiêu quốc phòng hoặc sở hữu vũ khí hạt nhân.¹⁷ Thay vào đó, Nhật Bản tìm cách giải quyết những vấn đề này thông qua đối thoại, cả ở song phương và các diễn đàn an ninh đa phương như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), và bằng cách tăng cường liên minh quân sự với Mỹ, bao gồm trao đổi thông tin nhiều hơn và hỗ trợ về mặt hậu cần cho quân đội Mỹ trong suốt các giai đoạn khủng hoảng.¹⁸

Dĩ nhiên, an ninh đường biển vẫn còn đó, một mối quan ngại chủ chốt của Nhật Bản trong suốt những năm 1990 đến những năm 2000. Nhưng mặc dù các căng thẳng bắt đầu nổi lên ở Biển Đông trong suốt những năm 1990 – đặc biệt là giữa Trung Quốc và Việt Nam, giữa Trung Quốc và Philippines – tình hình không khơi dậy những mối quan ngại quá mức ở Tokyo. Sự tranh chấp không được xem như là mối đe dọa đối với lợi ích hàng hải của Nhật: Hải quân PLA vẫn còn bị giới hạn về phạm vi và khả năng, và những tuyên bố của Bắc Kinh dường như tập trung vào các đảo san hô không người ở và các đảo đá của quần đảo Trường Sa. Hơn nữa, từ năm 2000 đến 2007, sự căng thẳng giảm đi đáng kể do cái mà Trung Quốc gọi là cuộc “Tấn công quyến rũ” (charm offensive) ở Đông Nam Á.¹⁹ Tuy nhiên, như sẽ được phân tích ở phần sau, khi hải quân Trung Quốc và các cơ quan hàng hải dân sự đã được mở rộng, và Bắc Kinh áp dụng một chính sách cứng rắn hơn vào cuối những năm 2000, cách suy nghĩ của người Nhật cũng thay đổi.

Mối quan ngại an ninh chính của Nhật đối với an ninh đường biển ở Đông Nam Á trong hai thập niên đầu giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh là cướp biển và cướp có vũ trang trên biển (piracy and sea robbery),²⁰ và ở mức độ thấp hơn, là khủng bố hàng hải, đặc biệt là sau vụ 11/9. Trong suốt những năm 1990, kiểm soát chính trị yếu kém, điều kiện chính phủ và kinh tế xã hội nghèo nàn, và thiếu

¹⁷ Bhubhinder Singh, *Japan's Security Identity: From a Peace State to an International State* (Abingdon, Oxon.: Routledge, 2013), trang 4, 63.

¹⁸ Như trên, p. 88.

¹⁹ Đọc chương 3 trong Ian Storey, *Southeast Asia and the Rise of China: The Search for Security* (Abingdon, Oxon.: Routledge, 2011), đặc biệt trang 89–92.

²⁰ Theo luật quốc tế, một hành động cướp biển được định nghĩa là một hành vi bạo lực trái pháp luật hoặc hành động giam giữ hai hay nhiều tàu ở vùng biển mà cách bờ biển 12 hải lý; các hành động phá hoại hàng hải xảy ra trong vùng biển của quốc gia được xem như là cướp biển và được xem là thuộc về thẩm quyền xét xử của quốc gia.

năng lực quản lý nhà nước tạo điều kiện cho tội phạm hàng hải sinh sôi nhanh chóng, đặc biệt là ở Indonesia theo sau sự ra đi của Tổng thống Suharto vào năm 1998.²¹ Việc thiếu sự hợp tác giữa các nước Đông Nam Á do những sự nhạy cảm về chủ quyền đã tạo nên rắc rối. Trong khi tàu của mọi quốc gia trở thành nạn nhân của cướp biển và cướp có vũ trang ở Đông Nam Á, thì do một vài sự cố đáng chú ý liên quan đến các tàu của Nhật, Nhật nhận thấy các con tàu của mình đang nhận lấy gánh nặng từ vấn đề này (mặc dù điều này không được chứng minh bằng số liệu đưa ra bởi cơ quan hàng hải quốc tế).²²

Để đối phó với vấn đề này, Nhật đã tránh lựa chọn vai trò an ninh mở rộng cho JMSDF hay Lực lượng Tuần duyên Nhật (JCG). Thay vào đó, nước này hướng đến một cách tiếp cận đa phương với sự hỗ trợ nâng cao năng lực dành cho các nước trong khu vực. Lời đề nghị của Thủ tướng Junichiro Koizumi vào năm 2001 về một thoả thuận toàn Châu Á để đối phó với tội phạm hàng hải đã dẫn đến sự đồng thuận của 16 quốc gia (10 quốc gia ASEAN cùng với Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Bangladesh và Sri Lanka) vào năm 2004 về Hiệp định Khu vực về chống Cướp biển và Cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền ở Châu Á (ReCAAP).²³ Vào năm 2006, ReCAAP thiết lập một Trung tâm Chia sẻ Thông tin (ISC) ở Singapore để tạo điều kiện cho việc trao đổi thông tin, chia sẻ những kinh nghiệm thực tiễn và hợp tác hành động giữa các cơ quan chấp pháp hàng hải dân sự của các nước thành viên. Nhật Bản là nước đóng góp lớn thứ hai trong việc gây quỹ cho ISC (sau Singapore) và Giám đốc Điều hành lúc khai trương và người kế nhiệm ông đều là công dân Nhật Bản.²⁴ Về hỗ trợ song phương, vào đầu những năm 2000, JCG đã tăng cường hợp tác với các đối tác Đông Nam Á của mình thông qua các chương trình huấn luyện và tập trận chống cướp biển.²⁵ Nhật Bản cũng đã giúp cải thiện năng lực giám sát và can thiệp hàng hải của lực lượng tuần duyên khu vực thông qua việc chuyển giao các tàu tuần tra và các tàu huấn luyện dùng nguồn Viện trợ Phát triển Chính thức (ODA) cấp bởi Bộ Ngoại giao.

²¹ Đọc Ian Storey, 'Securing Southeast Asia's Sea Lanes: A Work in Progress', *Asia Policy*, Số 2 (7/2008), trang 106–109.

²² Manicom, 'Japan's Role', trang 35. Một phân tích số liệu của Cơ quan Hàng hải quốc tế không chỉ ra rằng các tàu có treo cờ Nhật bị tấn công bởi cướp biển thường xuyên hơn các tàu treo cờ của nước khác.

²³ ReCAAP được thống nhất vào ngày 11/11/2004 và có hiệu lực vào 4/9/2006. Đến nay, 17 quốc gia trở thành thành viên của ReCAAP, mặc dù hai quốc gia Đông Nam Á chủ chốt là, Malaysia và Indonesia, từ chối phê chuẩn thoả thuận, vì các mối quan ngại về chủ quyền.

²⁴ The Asian Initiative: Enhancing Regional Cooperation 2006–2008 (Singapore: ReCAAP, 2009), trang 55, tại: http://www.recaap.org/DesktopModules/Bring2mind/DMX/Download.aspx?Command¼Core_Download&EntryId¼35&PortalId¼0&TabId¼78

²⁵ Mark Valencia, 'Piracy and Terrorism in Southeast Asia', trong Derek Johnson và Mark Valencia (eds), *Piracy in Southeast Asia: Status, Issues and Responses* (Singapore: ISEAS, 2005), trang 93, 107.

Trong suốt những năm 2000, các vụ cướp biển và cướp có vũ trang được báo cáo lại ở Đông Nam Á đã giảm đáng kể: từ mức cao 271 vụ vào năm 2000 giảm xuống còn 67 năm 2009.²⁶ Sự sụt giảm trong bạo lực hàng hải là do sự kết hợp của nhiều yếu tố, bao gồm: các nỗ lực đa phương như ReCAAP và các tàu tuần tra phối hợp bởi Indonesia, Malaysia và Singapore ở eo biển Malacca vào năm 2004; các sáng kiến quốc gia của ba nước trên nhằm cải thiện an ninh ở các cảng biển và các vùng lãnh hải của mình; và sự hỗ trợ nâng cao năng lực từ Nhật Bản và Mỹ.²⁷ Mặc dù có nhiều cuộc tấn công hơn một ít từ những năm 2010, đa số những vụ này xảy ra trên vùng biển của Indonesia, trong khi số các vụ ở Eo biển Malacca duy trì ở mức thấp trong khu vực vốn được sử dụng bởi hơn 70.000 chuyến tàu mỗi năm (từ năm 2008 đến 2012, trung bình có 2 vụ tấn công mỗi năm).²⁸ Cuối những năm 2000, khu vực địa lý trọng tâm của vấn đề hải tặc chuyển sang các vùng biển ở Somalia và vịnh Aden. Không giống như Eo biển Malacca, sự vắng mặt của một nhà nước hoạt động hiệu quả ở Somalia yêu cầu một sự phản ứng mạnh mẽ từ cộng đồng quốc tế, bao gồm Nhật Bản, nước đã gửi các tàu JMSDF đến tham gia cùng các tàu tuần tra chống hải tặc. Vào năm 2011/2012, vấn đề đã được kiểm soát một cách hiệu quả. Các diễn tiến tiêu cực ở Biển Đông, nói thế nào đi nữa, cũng đã thay thế hải tặc như trở thành mối quan ngại an ninh chính của Nhật Bản ở Đông Nam Á.

Nhật Bản và Tranh chấp Biển Đông

Tranh chấp biển Đông tập trung vào các tuyên bố chủ quyền chồng lấn đối với hàng trăm đảo san hô nhỏ và các vùng biển liên quan của chúng.²⁹ Hai quần đảo chính đang bị tranh chấp là Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tranh chấp ở Hoàng Sa là tranh chấp song phương giữa Trung Quốc và Việt Nam. Vào năm 1974, Trung Quốc chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa khi PLA đẩy lùi toàn bộ quân đội Nam Việt Nam ra khỏi phần phía Tây của quần đảo. Việt Nam xem hành động

²⁶ Số liệu tổng hợp từ Cơ quan Hàng hải Quốc tế, 'Piracy and Armed Robbery Against Ships Annual Report', nhiều vụ từ 2001–2011.

²⁷ Storey, 'Securing Southeast Asia's Sea Lanes'.

²⁸ Cơ quan Hàng hải quốc tế, 'Piracy and Armed Robbery Against Ships Annual Report: Report for the Period 1 January–31 December 2012' (1/ 2013), trang 5

²⁹ Để có cái nhìn tổng thể về tranh chấp, đọc Clive Schofield và Ian Storey, *The South China Sea Dispute: Increasing Stakes and Rising Tensions*, Jamestown Foundation Occasional Paper (11/2009); the special issue of *Contemporary Southeast Asia* 33, Số 3 (12/ 2011); International Crisis Group, *Stirring up the South China Sea (I)* (23/4/2012), tại: http://www.crisisgroup.org/*//media/Files/asia/north-east-asia/223-stirring-up-the-south-china-sea-i.pdf; International Crisis Group, *Stirring up the South China Sea (II): Regional Responses* (24 /7/2012), tại: http://www.crisisgroup.org/*//media/Files/asia/north-east-asia/229-stirring-up-the-south-china-sea-ii-regional-responses.pdf

này là bất hợp pháp và vẫn tuyên bố chủ quyền của mình trên toàn bộ quần đảo. Nằm xa về phía Nam là quần đảo Trường Sa, một quần đảo bao gồm hàng trăm các cấu tạo biệt lập bao gồm các đảo, đá và rạn san hô. Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam tuyên bố chủ quyền đối với tất cả các cấu tạo của quần đảo; Malaysia và Philippines đòi chủ quyền một phần quần đảo; và hai cấu tạo thuộc về vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Brunei (EEZ), và mặc dù chính phủ nước này chưa bao giờ tuyên bố chủ quyền chính thức đối với chúng, Brunei luôn được xem là một bên tranh chấp.³⁰ Chủ quyền ở Bãi cạn Scarborough – nằm cách 130 hải lý về phía Tây của Luzon và về mặt kỹ thuật không thuộc về quần đảo Trường Sa – cũng bị Trung Quốc và Philippines tranh chấp. Cùng với các tuyên bố của Trung Quốc đối với Hoàng Sa và Trường Sa, các bản đồ chính thức của Trung Quốc thể hiện đường 9 đoạn bao gồm xấp xỉ 80% biển Đông. Tuy nhiên, như được phân tích sau đây, việc Bắc Kinh trì hoãn giải thích đường 9 đoạn biểu thị những gì đã tạo nên mối quan ngại trong khu vực.

Nhật Bản đóng một vai trò nhỏ trong tranh chấp Biển Đông trước Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Trong những năm 1920 và 1930, các công ty phát hiện của Nhật đã hoạt động ở quần đảo Trường Sa và vào năm 1939, Đế quốc Nhật chiếm các đảo san hô ở Hoàng Sa và Trường Sa như một phần trong sự bành trướng của mình ở Trung Quốc và Đông Nam Á.³¹ Nhật Bản đóng quân ở đảo Trường Sa và thiết lập một căn cứ tàu ngầm trên hòn đảo rộng nhất của quần đảo, Itu Aba (tức đảo Ba Bình).³² Khi Đế quốc Nhật bị đánh bại vào tháng 8 năm 1945, quân đội Nhật Bản rút khỏi đây, và vào năm 1951, Tokyo tuyên bố từ bỏ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa theo Hiệp định Hoà bình San Francisco.³³ Kể từ đó, Nhật không đưa ra lập trường nào về tuyên bố lãnh thổ của sáu bên.

Các căng thẳng ở biển Đông mang tính chu kỳ. Khi Chiến tranh Lạnh giảm nhiệt vào cuối những năm 1980, cuộc tranh chấp nổi lên như một vấn đề an ninh khu vực quan trọng. Căng thẳng giữa các bên tranh chấp bắt đầu tăng nhiệt khi các bên tăng cường các tuyên bố chủ quyền – đặc biệt là Trung Quốc thông qua hệ thống luật pháp nội địa năm 1992³⁴ – và thực thi các quyền chủ quyền đối với

³⁰ Đọc Ian Storey, 'Brunei and China', trong Bruce Elleman, Stephen Kotkin và Clive Schofield (eds), *China and its Borders: Twenty Neighbors in Asia* (New York, NY: M.E. Sharpe, 2012).

³¹ Daniel J. Dzurek, *The Spratly Islands Dispute: Who's on First?*. Maritime Briefing, Quyển 2, Tập 1 (Durham: International Boundaries Research Unit, 1996), trang 10 -11

³² Như trên

³³ Xem bài báo 2 (f), 'Treaty of San Francisco' (8 /9/ 1951), tại: <http://www.taiwandocuments.org/sanfrancisco01.htm>

³⁴ Đọc 'Law of the Territorial Sea and Contiguous Zones' (25 /2/ 1992), tại: <http://library.uoregon.edu/ec/e-asia/read/sealaw.pdf>

nguồn tài nguyên biển trong vùng đặc quyền kinh tế theo quy định của Công ước của Liên hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS), bắt đầu có hiệu lực vào năm 1994. Vào giữa cuối những năm 1990, tranh chấp trở thành một nguồn căng thẳng song phương chính giữa Bắc Kinh và Manila (đặc biệt là sau khi Trung Quốc chiếm dải Mischief [Vành Khăn] mà Philippines đã tuyên bố chủ quyền), và giữa Bắc Kinh và Hà Nội. Căng thẳng giảm xuống đáng kể vào đầu những năm 2000, chủ yếu là vì Trung Quốc áp dụng lập trường ôn hòa hơn như một phần của cái gọi là cuộc “Tấn công quyền rũ” ở Đông Nam Á. Đặc biệt, vào năm 2002, ASEAN và Trung Quốc ký Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DoC), một cơ chế quản lý xung đột không ràng buộc, và vào năm 2005, các công ty năng lượng sở hữu nhà nước của Trung Quốc, Philippines và Việt Nam đồng ý thực hiện các khảo sát địa chấn trong các vùng biển tranh chấp.³⁵ Tranh chấp trở nên không đóng vai trò quá quan trọng trong các vấn đề an ninh khu vực.

Tuy nhiên từ 2007/2008, và đặc biệt là từ 2010, căng thẳng lại tăng lên vì sự kết hợp của nhiều yếu tố: chủ nghĩa dân tộc ngày càng tăng đối với chủ quyền của các đảo san hô; hành động của một vài bên yếu sách nhằm nhấn mạnh tuyên bố lãnh thổ và quyền tài phán của mình thông qua luật pháp quốc gia, việc nộp đơn lên Liên Hiệp Quốc (UN) và các hoạt động hành chính như thiết lập các liên kết bưu chính, du lịch và viễn thông thường xuyên; tăng cường cạnh tranh trong việc tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là thủy sản và dầu khí; sự hiện đại hoá nhanh chóng của Hải quân PLA và sự mở rộng của các cơ quan chấp pháp hàng hải dân sự của Trung Quốc, điều đã tạo điều kiện cho Bắc Kinh tăng cường sự hiện diện ở Biển Đông và tăng cường áp lực cưỡng chế lên Việt Nam và Philippines; và, căng thẳng lên cao dẫn đến chính sách chủ động hơn của Mỹ đối với tranh chấp.

Trong suốt hai thập niên đầu thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh, Nhật Bản không xem tranh chấp Biển Đông là mối lo trước mắt hay một mối đe dọa đối với an ninh đường biển. Việc thiếu quan tâm này thể hiện trong hai tài liệu đánh giá bằng tiếng Anh về môi trường an ninh của đất nước: *Đánh giá chiến lược khu vực Đông Á (EASR)*, xuất bản từ năm 1996 bởi Học viện Nghiên cứu Quốc phòng Quốc gia (NIDS), và Sách Trắng quốc phòng hàng năm của Nhật Bản.³⁶

³⁵ ‘Tuyên ngôn về Trách nhiệm của các bên ở Biển Nam Trung Hoa’ (4/11/2002), tại: <http://www.asean.org/asean/external-relations/china/item/declaration-on-the-conduct-of-parties-in-the-south-china-sea>

³⁶ NIDS xuất bản EASR mỗi hai năm giữa 1996 và 1998, và hàng năm từ 1999. Xem tại: <http://www.nids.go.jp/english/publication/east-asian/index.html>. [Bản tiếng Anh của Sách Trắng quốc phòng của Nhật được xuất bản trực tuyến từ năm 2004 bởi Bộ Quốc phòng](#). Xem tại: Defense. See: http://www.mod.go.jp/e/publ/w_paper/index.html

Trong những năm 1990, EARS đã tập trung hầu như mọi phân tích vào mối đe dọa tiềm tàng đối với Nhật Bản do Bắc Triều Tiên gây ra, chính sách của Trung Quốc đối với Đài Loan, và sự tăng cường các mối liên kết chiến lược Hoa Kỳ - Nhật Bản. Trong thập niên sau cuộc tấn công khủng bố ngày 11/9/2001, cả EARS và Sách Trắng của Bộ Quốc phòng đều tập trung vào khủng bố, sự lan truyền của vũ khí huỷ diệt hàng loạt (WMD; bao gồm chương trình vũ khí hạt nhân của Bắc Triều Tiên) và xung đột ở Iraq và Afghanistan. Sức mạnh kinh tế, chính trị và quân sự đang lên của Trung Quốc cũng là nội dung xuyên suốt từ những năm 1990 và 2000. Cả hai ấn phẩm, đặc biệt là Sách Trắng Quốc phòng, đều chỉ ra mối quan ngại đối với các hoạt động của cơ quan hàng hải Trung Quốc trong các vùng biển bao quanh Nhật Bản, cũng như sự thiếu minh bạch trong việc hiện đại hoá lực lượng vũ trang và ngân sách quốc phòng ngày càng tăng của Trung Quốc. Về an ninh ở Đông Nam Á, hai công bố đều đánh giá hậu quả tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997/1998, các vụ cướp biển ngày càng tăng, chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan hậu 11/9. Tranh chấp biển Đông chỉ được nhắc qua. Trong khi sự kiện Vành Khăn dẫn tới khủng hoảng lớn trong mối quan hệ giữa Trung Quốc và Philippines, và gây ra mối quan ngại trong khu vực, EARS năm 1996 – 1997 chỉ xem nó như việc Trung Quốc đang hình thành một “chỗ đứng” ở quần đảo Trường Sa.³⁷ Từ năm 2006 đến 2010, Sách Trắng Quốc phòng của Nhật đơn giản liệt kê tranh chấp biển Đông như một trong những “nhân tố gây bất ổn” ở Đông Nam Á.³⁸ Nhìn chung, cho đến cuối những năm 2000, các nhà phân tích Nhật Bản vẫn giữ một cái nhìn trung lập, thậm chí là lạc quan, về mối quan hệ Trung Quốc – Đông Nam Á. Chẳng hạn, EARS 2007 công nhận các nỗ lực của Trung Quốc trong việc xoa tan các mối lo ngại trong khu vực cùng với quyền lực ngày càng tăng của mình – bao gồm DoC năm 2002 – và rằng Bắc Kinh “chủ động giải quyết các tranh chấp lãnh thổ một cách hoà bình ở Biển Đông”.³⁹ Tuy nhiên, Bộ Quốc phòng Nhật Bản vào năm 2008 đã bày tỏ sự thất vọng đối với việc chẳng có tiến triển nào giữa ASEAN và Trung Quốc trong việc đàm phán một bộ quy tắc ứng xử ràng buộc pháp lý ở biển Đông (CoC).⁴⁰

Năm 2010 đánh dấu một bước chuyển tiêu cực trong mối quan hệ Trung Quốc – Nhật Bản. Tháng 9, việc bắt giữ thuyền trưởng một tàu đánh cá Trung Quốc vốn được cho là đã đâm vào một tàu tuần duyên Nhật Bản gần quần đảo Senkaku/ Diaoyu đã làm nổi lên một cuộc khủng hoảng ngoại giao giữa hai nước.

³⁷ East Asia Strategic Review 1996–1997 (Tokyo: National Institute for Defense Studies, 1996), trang 196.

³⁸ Đọc Defense of Japan (2006–2010), tại: http://www.mod.go.jp/e/publ/w_paper/index.html

³⁹ East Asia Strategic Review 2007 (Tokyo: Japan Times and NIDS, 2007), trang 155.

⁴⁰ Defense of Japan 2008 (Tokyo: Bộ Quốc phòng, 2008), trang 73

Chính xác là hai năm sau, các mối quan hệ song phương chuyển sang mức độ thấp nhất từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai với quyết định của Nhật “quốc hữu hoá” ba hòn đảo thuộc quyền sở hữu tư nhân trong khu vực quần đảo tranh chấp. Theo quan điểm của Trung Quốc, hành động này thể hiện một sự thay đổi đơn phương hiện trạng của Nhật, và nước này phản ứng lại bằng cách tăng cường lực lượng tuần tra hải quân và không quân xung quanh quần đảo, điều được xem là nỗ lực đầy tính quyết đoán để thách thức các tuyên bố về quyền tài phán của Nhật. Theo sau quyết định của chính phủ Nhật Bản là các cuộc biểu tình chống Nhật diễn ra ở hàng trăm thành phố ở Trung Quốc.

Ngay cả trước khi căng thẳng gia tăng ở biển Hoa Đông, Sách Trắng quốc phòng Nhật Bản cũng đã nêu lên mối quan ngại ngày càng lớn đối với vị thế quân sự của Trung Quốc. Từ năm 1988 đến 1997, Trung Quốc tăng chi tiêu quốc phòng trung bình một năm là 14,5%, lên 15,9% từ năm 1998 đến 2007.⁴¹ Trong năm 2012, chi tiêu quốc phòng chính thức của Trung Quốc tăng lên 106 tỉ đô la Mỹ, cao thứ hai trên thế giới – chấp nhận theo sau Mỹ một khoảng dài với chi tiêu lên đến 624 tỉ đô la, nhưng vẫn là cao nhất ở Châu Á.⁴² Những xu hướng này hoàn toàn trái ngược với môi trường chính trị, kinh tế và quân sự của Nhật. Từ đầu những năm 1990, nền kinh tế Nhật đã rơi vào suy thoái, một vấn đề càng trầm trọng hơn bởi một giới lãnh đạo chính trị yếu kém. Do hậu quả trực tiếp của sự trì trệ kinh tế, chi tiêu quốc phòng không có nhiều thay đổi: năm 1999, Nhật chi 54,39 tỉ đô la cho lực lượng vũ trang và vào năm 2011 là 54,53 tỉ (tỉ giá đô la Mỹ năm 2010).⁴³ Trong khi Sách Trắng năm 2008 nói rằng Nhật Bản ‘mong’ Trung Quốc thể hiện sự minh bạch rõ hơn về chương trình hiện đại hoá quân sự, một năm sau, cuốn sách tuyên bố Trung Quốc ‘chưa đạt đến mức độ minh bạch mong đợi từ một siêu cường khu vực’.⁴⁴ Năm 2010, Tokyo cảnh báo việc thiếu minh bạch đã trở thành một ‘vấn đề đáng lo ngại trong cộng đồng khu vực và quốc tế’.⁴⁵ Năm 2013, quan điểm này được nhấn mạnh hơn, với việc Nhật cáo buộc Trung Quốc giảm sự minh bạch trong ngân sách quốc phòng và việc PLA có ‘các hoạt động gây nguy hiểm’ trong vùng biển và không phận của Nhật Bản và làm suy yếu môi trường an ninh quốc gia.⁴⁶

⁴¹ Như trên

⁴² ‘China’s Defense Budget to Grow 11.2 Pct in 2012: Spokesman’, *Xinhua*, 4/3/2012.

⁴³ Đọc Stockholm International Peace Research Institute (SIPRI) Military Expenditure Database, tại: <http://milexdata.sipri.org>

⁴⁴ Như trên., trang 50; Defense of Japan 2009 (Tokyo: Ministry of Defense, 2008), trang 50.

⁴⁵ Defense of Japan 2010 (Tokyo: Ministry of Defense, 2010), trang 5.

⁴⁶ Defense of Japan 2013 (Tokyo: Ministry of Defense, 2013), trang 42, 46, 5.

Khi các mối quan hệ song phương tệ đi, các nhà phân tích Nhật Bản bắt đầu bày tỏ mối quan ngại ngày càng tăng đối với các khuynh hướng tiêu cực ở biển Đông. Chẳng hạn, NIDS đã chỉ ra mối căng thẳng ngày càng gia tăng giữa các bên yêu sách bắt đầu từ 2009, và lấy nó giải thích cho sự hiện diện quân sự nhiều hơn của Trung Quốc ở Biển Đông, cũng như chính sách can thiệp nhiều hơn của Mỹ đối với tranh chấp.⁴⁷ Các nhà phân tích cũng chỉ ra rằng 'các hành động cứng rắn' của Trung Quốc ở Biển Đông đã dẫn đến việc các nước thành viên ASEAN tăng chi tiêu quốc phòng và hiện đại hoá lực lượng vũ trang và tạo điều kiện tăng cường hợp tác quân sự giữa một vài quốc gia Đông Nam Á và Mỹ.⁴⁸ EASR 2012 kết luận do năng lực quân sự ngày càng phát triển của Trung Quốc và ảnh hưởng trong ASEAN, Bắc Kinh có ít lý do để nhượng bộ trong tranh chấp và vì thế tình hình sẽ vẫn ở trạng thái 'bất ổn' trong tương lai gần.⁴⁹ Nhật Bản lo rằng tranh chấp có tiềm năng làm giảm an ninh hàng hải ở Biển Đông. Như đã được mô tả trước đó, từ ít nhất là những năm 1960, đây đã là lợi ích an ninh chính của Tokyo ở Đông Nam Á. Và do 'sự thịnh vượng và sống còn' của Nhật phụ thuộc vào an ninh của các SLOC, điều này khó mà thay đổi được.⁵⁰ Các con số về thương mại Nhật Bản năm 2010 nhấn mạnh tầm quan trọng bậc nhất của các tuyến đường biển khu vực. Trong năm đó, giá trị thương mại hai chiều giữa Nhật Bản và 10 quốc gia thành viên ASEAN là 214 tỉ đô la Mỹ; với Nam Á (Ấn Độ, Pakistan và Bangladesh) là 17,8 tỉ đô la; và với Liên minh Châu Âu là 147 tỉ đô la.⁵¹ Hơn 90% nguồn cung cấp năng lượng của Nhật Bản được đưa qua khu vực này. Trong khi không nhiều người dự đoán một cuộc chiến tranh lớn ở biển Đông, thì xung đột, vô tình hay cố ý, vẫn không thể bị loại trừ. Dĩ nhiên, bất cứ xung đột nào cũng sẽ gián đoạn nghiêm trọng các SLOC huyết mạch của Nhật Bản.

Các mối quan ngại của Nhật Bản đối với Biển Đông đã phát triển cùng với căng thẳng ngày càng tăng ở biển Hoa Đông vì Tokyo xem hai tranh chấp này là có mối liên kết không thể tách rời.

Các nhà quan sát ở Nhật tin rằng chính sách của Trung Quốc đối với hai tranh chấp này khá giống nhau. Cụ thể, như Sách Trắng quốc phòng 2013 lập luận, chiến lược của Trung Quốc đối với các bên yêu sách khác là làm suy yếu 'khả năng kiểm soát thực tế' của họ đối với các cấu tạo họ tuyên bố chủ quyền hoặc chiếm đóng trong khi đồng thời tăng cường tuyên bố lãnh thổ và quyền tài phán

⁴⁷East Asia Strategic Review 2011 (Tokyo: Japan Times and NIDS, 2007), trang 141.

⁴⁸Như trên, trang 164, 9.

⁴⁹ Như trên, trang 150.

⁵⁰ Defense of Japan 2013, trang 243.

⁵¹Số liệu lấy từ Direction of Trade Statistics: Sách năm 2011 (Washington, DC: Quỹ tiền tệ quốc tế, 2011).

bằng cách sử dụng hải quân và các cơ quan chấp pháp trên biển khác.⁵² Như đã chỉ ra, chiến lược của Trung Quốc ở biển Hoa Đông là thách thức và làm suy yếu thẩm quyền tài phán của Nhật đối với quần đảo Senkaku/ Diaoyu. Năm 2012, Trung Quốc áp dụng thành công chiến lược này ở bãi cạn Scarborough, sử dụng các lực lượng chấp pháp trên biển vượt trội để buộc Philippines rút các tàu của mình khỏi bãi cạn và nhờ vậy giành được kiểm soát thực tế đối với đảo san hô đang tranh chấp.⁵³ Liên quan đến sự kiện bãi cạn Scarborough, trong một chuyến thăm đến Manila, Bộ trưởng Quốc phòng Nhật nhấn mạnh sự liên hệ giữa tranh chấp Biển Đông và Hoa Đông bằng cách nói rằng Nhật Bản 'thật sự quan ngại tình hình này có thể ảnh hưởng đến tình hình ở biển Hoa Đông'.⁵⁴ Thủ tướng Shinzo Abe thậm chí còn thẳng thắn hơn khi viết rằng nếu Tokyo nhượng bộ quyền kiểm soát quần đảo Senkaku/Diaoyu, điều này sẽ khuyến khích Bắc Kinh hơn nữa ở Biển Đông:

Nhật Bản không thể nhượng bộ trước cách hành động cưỡng ép hằng ngày của chính phủ Trung Quốc xung quanh quần đảo Senkaku ... Bằng cách làm cho sự hiện diện của những con tàu này trở thành một việc thông thường, Trung Quốc muốn thiết lập thẩm quyền tài phán tại các vùng biển xung quanh quần đảo như sự đã rồi... Nếu Nhật Bản nhượng bộ, (vị thế của Trung Quốc ở) Biển Đông sẽ trở nên càng được củng cố hơn.⁵⁵

Nhật Bản cảm thấy lo lắng bởi những hành động của Trung Quốc đối với các tranh chấp lãnh thổ trên biển của nước này gây khó khăn trong việc tiếp cận 'các tài nguyên chung toàn cầu' (được chính phủ định nghĩa là biển, khoảng không vũ trụ và không gian mạng), làm suy yếu các nguyên tắc luật pháp quốc tế và gây nguy hiểm cho tự do hàng hải.⁵⁶ Điển hình cho sự lo lắng của Tokyo là bản đồ đường 9 đoạn của Trung Quốc (cũng được gọi là bản đồ đường chữ U). Như đã nhắc đến ở trên, Bắc Kinh chưa bao giờ chính thức giải thích đường 9 đoạn đại diện cho cái gì nhưng 4 ý nghĩa tiềm tàng đã được đưa ra.⁵⁷ Đầu tiên, Trung Quốc đang tuyên bố chủ quyền đối với tất cả các quần đảo nằm bên trong đường 9 đoạn, cũng như trong vùng lãnh hải 12 hải lý và vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của chúng. Thứ hai, khu vực bên trong đường 9 đoạn đại diện cho 'vùng nước lịch sử' của Trung

⁵² Quốc phòng Nhật Bản 2013, trang 48.

⁵³ Trong văn bản tháng 1/2013 nộp cho Liên hiệp quốc, Philippines buộc tội Trung Quốc 'chiếm lấy' bãi cạn Scarborough. Đọc 'Notification and Statement of Claim', Bộ Ngoại giao, Manila (22/1/ 2013), tại: <http://www.dfa.gov.ph/>

⁵⁴ 'Japan vows to help Philippines amid China sea row', *Straits Times* (27/6/2013).

⁵⁵ Shinzo Abe, 'Asia's Democratic Security Diamond', *Project Syndicate* (27/12/2012)

⁵⁶ Quốc phòng Nhật Bản 2013, trang 6, 89.

⁵⁷ Duong Danh Huy, 'China's U-Shaped Line in the South China Sea', *Asia Sentinel* (19/9/2012), tại: http://www.asiasentinel.com/index.php?option=com_content&task=view&id=4833&Itemid=390

Quốc. Thứ ba, các vùng biển bên trong đường chữ U là một yêu sách đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa được tạo ra bởi quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và bãi cạn Scarborough. Thứ tư, Trung Quốc tuyên bố chủ quyền tại tất cả các quần đảo tranh chấp, một vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa do các quần đảo này tạo ra, cũng như 'quyền lịch sử' đối với toàn bộ không gian hàng hải, bao gồm quyền đối với các nguồn tài nguyên sinh vật và phi sinh vật.

Càng ngày càng rõ ràng rằng 4 sự diễn giải này đã trở thành quan điểm chính thức trên thực tế của Trung Quốc. Mặc dù đường chữ U đã xuất hiện trên bản đồ Trung Quốc vào cuối những năm 1940, mãi đến năm 2009 Trung Quốc mới đăng ký chính thức một bản sao của tấm bản đồ lên Liên Hiệp Quốc đính kèm một công hàm phản đối một đề trình chung của Việt Nam và Malaysia lên Ủy ban ranh giới ngoài của thềm lục địa.⁵⁸ Trong công hàm, Trung Quốc nói rằng mình 'có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các quần đảo ở biển Đông và các vùng nước liền kề cũng như đáy biển và lòng đất dưới đáy biển (xem bản đồ đính kèm)'. Vào năm 2011, công ty năng lượng thuộc sở hữu nhà nước China National Offshore Oil Corporation (CNOOC) đã kêu gọi đấu thầu cho chín lô ngoài khơi bao phủ diện tích 160.000 km² ở Biển Đông.⁵⁹ Những lô này, mà CNOOC mô tả nằm trong 'vùng nước thuộc quyền tài phán của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa', nằm ở ngoài cùng giới hạn của đường 9 đoạn và nằm toàn bộ trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.⁶⁰ Tuyên bố chính thức của Trung Quốc gần nhất với cách diễn giải thứ tư xảy ra vào năm 2013, khi Zhiguo Gao – một thẩm phán Trung Quốc trong Phiên tòa Quốc tế của Liên Hiệp Quốc về Luật biển (ITLOS) – công bố một bài báo đồng tác giả tranh luận rằng đường chữ U được biện minh theo luật quốc tế và:

trở nên đồng nghĩa với tuyên bố chủ quyền đối với các quần đảo vốn đã luôn thuộc về Trung Quốc, và với đòi hỏi lâu đời của Trung Quốc về quyền lịch sử trong việc đánh bắt cá, vận chuyển và các hoạt động hàng hải khác (bao gồm khai thác các tài nguyên, khoáng sản và tài nguyên khác) trên các quần đảo và các vùng biển lân cận.⁶¹

Nền tảng pháp lý của đường chữ U của Trung Quốc bị chất vấn bởi nhiều chính phủ và các chuyên gia về luật trên toàn khu vực. Indonesia chính thức không

⁵⁸ 'Note from the Permanent Mission of the People's Republic of China addressed to the Secretary General of the United Nations', CML/17/2009 (7/5/2009), xem tại: http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/submission_mysvnm_33_2009.htm

⁵⁹ 'Notification of Part of Open Blocks in Waters under Jurisdiction of the People's Republic of China Available for Foreign Cooperation in the Year of 2012' (23/6/2012), xem tại: <http://en.cnooc.com.cn/data/html/news/2012-06-22/english/322127.html>

⁶⁰ Như trên

⁶¹ Zhiguo Gao và Bing Bing Jia, 'The Nine-Dash Line in the South China Sea: History, Status, and Implications', *The American Journal of International Law*, tập 107, số 95 (2013), trang 108

thừa nhận tấm bản đồ tại Liên Hiệp Quốc vào năm 2010, sau đó là Philippines vào năm 2013.⁶² Trước đó vào năm 2011, Ngoại trưởng Philippines Albert Del Rosario mô tả tấm bản đồ là 'điểm then chốt' của vấn đề Biển Đông và là một 'trở ngại' đối với giải pháp: 'Philippines giữ quan điểm rằng tuyên bố đường 9 đoạn của Trung Quốc, đơn giản mà nói, là phi pháp. Đây là một sự tùy tiện, thiếu cơ sở hoặc giá trị theo luật quốc tế, đặc biệt là UNCLOS'.⁶³

Trong khi Việt Nam chưa chính thức phản đối tấm bản đồ, các cấp lãnh đạo Việt Nam đã tuyên bố rằng nó không có cơ sở pháp lý.⁶⁴ Singapore không phải là bên liên quan, nhưng cũng bày tỏ sự nghi ngờ đối với tính hợp pháp trong tuyên bố của Trung Quốc. Trong một bài phát biểu chính tại một hội thảo học thuật ở Singapore, cựu Bộ trưởng cấp cao và chuyên gia luật Giáo sư S. Jayakumar mô tả tấm bản đồ là 'khó hiểu và đáng lo ngại' vì nó có thể được 'diễn giải như một tuyên bố đối với tất cả các khu vực biển bên trong đường 9 đoạn'.⁶⁵

Vài ngày sau, Bộ trưởng Ngoại giao Singapore kêu gọi Trung Quốc làm rõ tuyên bố ở Biển Đông 'với một sự chính xác hơn vì sự mơ hồ hiện tại đã gây ra các mối quan ngại nghiêm trọng trong cộng đồng hàng hải quốc tế'.⁶⁶ Đại sứ lưu động của Singapore Ngài Tommy Koh chỉ ra rằng nếu Trung Quốc chỉ tuyên bố chủ quyền đối với các cấu tạo bên trong đường 9 đoạn thì có thể phù hợp với UNCLOS, nhưng Trung Quốc lại tuyên bố chủ quyền với toàn bộ các cấu tạo và các vùng biển, như vậy là không phù hợp với UNCLOS.⁶⁷

Một cách chính thức, Nhật Bản chưa phản đối đường chữ U, mặc dù nước này đã kêu gọi các bên liên quan, bao gồm Trung Quốc, làm rõ tuyên bố chủ quyền hàng hải của mình.⁶⁸ Tuy nhiên, về mặt cá nhân, các quan chức Nhật Bản

⁶²Xem http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/idn_2010re_mys_vnm_e.pdf; 'Notification and Statement of Claim'.

⁶³Ngoại trưởng Del Rosario đường 9 đoạn của Trung Quốc là "Điểm then chốt của vấn đề" tại WPS', Bộ Ngoại giao (5/8/2011).

⁶⁴Trong phiên chất vấn tại Đối thoại Shangri-La năm 2010, Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam Tướng Thanh đã nói rằng tấm bản đồ không có sự lý giải hợp pháp. Trong chuyến thăm của ông đến Washington DC vào tháng 7/2013, Chủ tịch nước Việt Nam Trương Tấn Sang nói 'We không thể tìm thấy một nền tảng pháp lý hay khoa học nào cho một tuyên bố như vậy và vì thế Việt Nam luôn giữ chính sách phản đối đối với kế hoạch đường 9 đoạn của Trung Quốc'. Xem 'Viet Leader Opposes China's Sea Claims', Báo Agence-France (27/7/2013).

⁶⁵Bài phát biểu chính của Giáo sư S. Jayakumar, Đại học Quốc gia Singapore Trung tâm Luật Quốc tế Hội nghị về 'Joint Development and the South China Sea', Singapore (16/6/2011).

⁶⁶Bình luận của người phát ngôn Bộ Ngoại giao khi trả lời chất vấn của truyền thông về chuyến thăm của Tàu hải giám Haixin 31 đến Singapore' (20/6/2011)

⁶⁷Tommy Koh, 'Mapping Out Rival Claims in the South China Sea', *Straits Times* (13/9/2011).

⁶⁸Đọc 'Overview of the 19th ASEAN Regional Forum', Hội nghị Bộ trưởng 2012, Bộ Ngoại giao Nhật Bản (13/7/2012), tại: http://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/asean/conference/arf/overview_mm19th.html

tranh luận rằng đường 9 đoạn không có cơ sở pháp lý và rằng nếu Trung Quốc thuyết phục, hoặc cưỡng ép, các nước láng giềng chấp nhận nền tảng lịch sử của tuyên bố chủ quyền biển của nó, điều này sẽ làm suy yếu các nguyên tắc trong UNCLOS.⁶⁹ Theo ngài Del Rosario, Thủ tướng Abe bày tỏ sự ủng hộ đối với việc Philippines nộp đơn kiện vào tháng 1/2013 lên Liên Hiệp Quốc – vốn đòi làm sáng tỏ giá trị pháp lý của đường 9 đoạn – trong chuyến thăm đến Manila vào tháng 5/2013.⁷⁰

Tuyên bố của Trung Quốc về việc nước này có quyền kiểm soát các hoạt động giao thông hàng hải – bao gồm sự đi lại của tàu chiến – trong vùng đặc quyền kinh tế của nó và trong khu vực đường chữ U là các mối quan ngại của Nhật Bản. Trong khi hầu hết các quốc gia xem các hoạt động giám sát quân sự nước ngoài trong vùng đặc quyền kinh tế của một quốc gia giáp biển là hợp pháp và được cho phép theo UNCLOS, thì Trung Quốc coi những hành động như vậy là bất hợp pháp.⁷¹ Sự diễn giải này (mà hơn một chục quốc gia trên toàn thế giới, bao gồm cả ở Châu Á, ủng hộ) đặt Mỹ và Trung Quốc vào trạng thái xung đột, và gây ra hàng loạt các vụ khủng hoảng, bao gồm vụ máy bay giám sát EP-3 năm 2001 và vụ *Impeccable* năm 2009. Vấn đề về các hoạt động giám sát của quân đội nước ngoài ở vùng đặc quyền kinh tế của một quốc gia ven biển gây ra một sự lưỡng nan cho Nhật Bản. Nhìn chung, Tokyo ủng hộ quan điểm của Mỹ, nhưng không công khai do điều này có thể khiến Nhật không thể phê phán Trung Quốc về việc cũng có các hoạt động như vậy trong vùng đặc quyền kinh tế của Nhật, mà theo như Sách Trắng Quốc phòng tiết lộ, bị nước này nghi ngại.

Các phản ứng chính sách của Nhật Bản

Phản ứng của Tokyo đối với tình hình ngày càng xấu đi với Bắc Kinh ở biển Hoa Đông, và các mối quan ngại liên quan, là thúc đẩy việc xây dựng lại và củng cố lại lực lượng vũ trang của mình. Chính phủ có kế hoạch nâng cao sự hiện diện của SDF về phía Tây – Nam của đất nước để cải thiện khả năng sẵn sàng, sự giám sát của tàu và máy bay nước ngoài, và việc phòng thủ các quần đảo ngoài khơi.⁷² Ngoài ra, Nhật Bản còn đang cải thiện khả năng hợp đồng tác chiến và huấn luyện

⁶⁹Tác giả phỏng vấn các quan chức ngoại giao và quốc phòng cấp cao của Nhật Bản ở Tokyo, tháng 10 và tháng 12/2012.

⁷⁰Japan Supports Philippines' Legal Move on South China Sea Dispute', *Philippine Star* (23/5/2013).

⁷¹Jonathan Odom, 'A China in the Bull Shop? Comparing the Rhetoric of a Rising China with the Reality of the International Law of the Sea', *Ocean and Coastal Law Journal*, Tập 17, Quyển 2 (2012), trang 201–249.

⁷²East Asia Strategic Review 2013 (Tokyo: Japan Times và NIDS, 2013), trang 106–107; Onodera, 'Defending National Interests; Preventing Conflict'.

với quân đội Mỹ (đặc biệt là trong chiến tranh đổ bộ), một khuynh hướng bắt đầu từ giữa những năm 2000.⁷³ Chính quyền của ông Abe cũng đã tăng chi tiêu quốc phòng lần đầu tiên trong hơn một thập niên (mặc dù chỉ là 0.8%).⁷⁴

Về Biển Đông, Nhật Bản coi phản ứng quân sự là không phù hợp. Nhật không phải là một bên liên quan, và cách tiếp cận như vậy sẽ kích động căng thẳng hơn với Trung Quốc. Thay vì thế, cũng giống như những điều Nhật đã làm đối với việc gia tăng các vụ tấn công cướp biển ở Đông Nam Á vào đầu những năm 2000, Nhật muốn giảm thiểu các mối quan ngại về an ninh thông qua việc thúc đẩy hợp tác đa phương, bổ sung bằng hỗ trợ song phương cho từng quốc gia thành viên ASEAN. Bằng cách làm này, Nhật muốn đạt mục tiêu duy trì trật tự hàng hải đang tồn tại ở Châu Á. Điều này đã trở thành nội dung chính trong chính sách đối ngoại của Nhật, đặc biệt là từ khi chính quyền ông Abe nhậm chức vào tháng 12/2012. Đây là nội dung mà các quan chức chính phủ cấp cao thường xuyên chỉ ra. Chẳng hạn, trong một bài diễn văn về chính sách đối ngoại đối với Đông Nam Á vào tháng 1, ông Abe vạch ra một học thuyết cùng tên gồm 5 yếu tố chính cấu thành, trong đó yếu tố thứ hai là cam kết chắc chắn rằng lĩnh vực hàng hải vẫn được 'kiểm soát bởi luật pháp và quy định, không phải bằng sức mạnh'.⁷⁵ Mệnh đề 'không phải bằng sức mạnh' có thể được xem như một lời phê bình kín đáo dành cho Trung Quốc. Một tháng sau tại Washington DC, ngài Thủ tướng bày tỏ rằng Nhật Bản phải 'tiếp tục là người bảo vệ cho các tài nguyên chung, như hàng hải, đủ cởi mở để đem lại lợi ích cho mọi người'.⁷⁶ Vào tháng 5, Bộ trưởng Ngoại giao Fumio Kishida nói rằng duy trì 'trật tự hiện hành thông qua các quy định pháp luật, hơn là bằng vũ lực, và đảm bảo an toàn và tự do vận chuyển là quan trọng đối với hoà bình và thịnh vượng khu vực'.⁷⁷ Vào tháng 6, tại Đối thoại Shangri-La, Bộ trưởng Quốc phòng Onodera nói rằng việc các quốc gia tuân thủ 'các quy định và nguyên tắc hàng hải' là rất quan trọng và rằng Nhật Bản dự định đóng 'một vai trò lớn hơn trong việc duy trì các nguyên tắc nền tảng của tự do hàng hải và việc tuân thủ các quy định luật pháp về hàng hải dựa trên UNCLOS'.⁷⁸

⁷³Christopher W. Hughes, *Japan's Militarisation* (Abingdon, Oxon.: Routledge for IISS, 2009), trang 91–97.

⁷⁴'Japan's Defense Budget to Increase for First Time in 11 Years', *Bloomberg* (30/1/2013)

⁷⁵ Thủ tướng Abe không trực tiếp phát biểu vì chuyến thăm của ông đến Đông Nam Á bị rút ngắn do cuộc khủng hoảng con tin tại Algeria mà trong đó 14 công dân Nhật bị sát hại. Đọc 'The Bounty of the Open Sea: Five New Principles for Japanese Diplomacy' (18/1/2013), tại: http://www.kantei.go.jp/foreign/96_abe/statement/201301/18speech_e.html

⁷⁶ Shinzo Abe, 'Japan is Back', bài phát biểu tại Trung tâm chiến lược và quốc tế học, Washington DC (22/2/2013), xem tại: http://csis.org/files/attachments/132202_PM_Abe_TS.pdf

⁷⁷ Kishida, 'The Future of Asia'.

⁷⁸Onodera, 'Defending National Interests'.

Chính sách của Nhật Bản đối với Biển Đông được tạo thành từ bốn ý tưởng liên kết với nhau. Đầu tiên, đa phương hoá hay 'quốc tế hoá' vấn đề bằng cách nêu vấn đề này tại các diễn đàn an ninh do ASEAN điều hành. Thứ hai, tăng cường hợp tác với ASEAN về các vấn đề an ninh hàng hải, và thúc đẩy sự đoàn kết trong tổ chức đối với vấn đề biển Đông. Thứ ba, tăng cường các mối quan hệ với từng quốc gia trong khối ASEAN và, trong vài trường hợp cụ thể, cung cấp sự hỗ trợ nâng cao năng lực, Thứ tư, tăng cường hợp tác chính sách với Mỹ và các chủ thể bên ngoài khác.

Đa phương hoá tranh chấp Biển Đông

Trung Quốc xem tranh chấp như là vấn đề song phương và phản đối 'quốc tế hoá' nó. Vào năm 2012, Fu Ying, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc, nói với Ngoại trưởng Del Rosario rằng điều này có nghĩa Philippines chỉ nên bàn luận vấn đề với Trung Quốc, không nên đưa vấn đề ra tại các diễn đàn khu vực và không nên đơn phương nộp đơn về tranh chấp lên cơ quan trọng tài quốc tế.⁷⁹ Khi môi trường ngoại giao trở nên xấu đi ở Biển Đông, các quốc gia không tranh chấp trong khu vực cũng dần phớt lờ đi yêu cầu thứ hai trong tuyên bố trên. Vì vậy cùng với những nước khác, Nhật Bản phải xem tranh chấp như là một vấn đề quốc tế và không chỉ là vấn đề khu vực giữa Trung Quốc và 4 bên tranh chấp thuộc khối ASEAN. Như trong Sách Trắng Quốc phòng năm 2013 đã viết, biển Đông là một 'mối quan ngại chung của toàn thể cộng đồng quốc tế, và trực tiếp liên quan đến hoà bình và ổn định của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương'.⁸⁰

Theo đó, từ năm 2010, các quan chức Nhật Bản đã kiên trì nêu mối quan ngại của quốc gia này lên tại các diễn đàn an ninh khu vực và nhấn mạnh nhu cầu phải duy trì trật tự hàng hải hiện hành. Đáng chú ý nhất, vào năm 2010, Nhật Bản đã tham gia cùng với 11 quốc gia trong việc nêu rõ các mối quan ngại của họ tại ARF, lần đầu tiên tranh chấp được đưa ra tại diễn đàn một cách cụ thể. Tại ARF năm 2012, Nhật Bản mô tả tranh chấp biển Đông là 'liên quan trực tiếp đến hoà bình và sự ổn định của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương', kêu gọi tất cả các bên làm rõ tuyên bố của mình tuân theo UNCLOS và bày tỏ 'mối quan ngại sâu sắc' đối với sự kiện bãi cạn Scarborough giữa Trung Quốc và Philippines vào tháng 5 – 6.⁸¹

⁷⁹ Greg Torode, 'Filipino Albert Del Rosario a Lone Asean Voice Taking on China', *South China Morning Post* (9/12/2012)

⁸⁰ Defense of Japan 2013, trang 89.

⁸¹ 'Overview of the 19th ASEAN Regional Forum'.

Thủ tướng Yoshihiko Noda cũng lặp lại những mối quan ngại này tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS) vào tháng 11/2012.⁸²

Nhật Bản cũng tận dụng các diễn đàn an ninh khu vực để thúc đẩy 'kỹ thuật đi biển' (good seamanship) hoặc 'các cách cư xử chung' để ngăn chặn những sự vụ có thể xảy ra và leo thang thành các cuộc khủng hoảng lớn.⁸³ Các diễn đàn này bao gồm Hội nghị Hàng hải ASEAN Mở rộng (EAMF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM-Plus), Nhóm Chuyên gia về An ninh Hàng hải và Hội nghị ARF giữa kỳ về An ninh Hàng hải.⁸⁴ Cụ thể, Nhật quan tâm đến việc thúc đẩy Nguyên tắc Ứng xử đối với những đụng độ không được cảnh báo trước trên biển (CUES). CUES được thảo ra vào năm 1999 bởi 20 thành viên của Hội thảo Hải quân Tây Thái Bình Dương (WPNS; bao gồm Nhật Bản, Trung Quốc và 8 thành viên của ASEAN) nhằm 'cung cấp thước đo an toàn và phương tiện giới hạn sự gây nhiễu lẫn nhau và sự không chắc chắn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc khi các tàu hải quân và dân sự, tàu ngầm và máy bay muốn liên lạc'.⁸⁵ Đặc biệt, nó cung cấp bộ quy tắc ứng xử khi tàu chiến gặp nhau 'ngẫu nhiên hay bất ngờ'. CUES liệt kê những hành động mà một 'người chỉ huy khôn ngoan' nên tránh, bao gồm 'làm như chuẩn bị tấn công bằng cách chĩa súng, tên lửa, radar kiểm soát hỏa lực, ngư lôi hoặc các loại vũ khí khác hướng về phía tàu hoặc máy bay mình gặp phải', phóng các vũ khí về phía các tàu khác, và nhào lộn (máy bay) gần tàu mình gặp phải' (ví dụ bay thấp, bay sát tàu).⁸⁶ Các phần 4 và 5 của CUES đề nghị một hệ thống các quá trình liên lạc tiêu chuẩn cho tàu và máy bay, bao gồm các tín hiệu khẩn cấp. Nhật Bản hy vọng rằng sự tham gia rộng rãi hơn đối với CUES của hải quân khu vực sẽ ngăn chặn xung đột ở cả Biển Đông và Hoa Đông.

Tăng cường hợp tác Nhật Bản – ASEAN về an ninh hàng hải

Kể từ khi có sự gia tăng căng thẳng ở biển Đông vào cuối những năm 2000, Nhật Bản đã mong muốn thúc đẩy hợp tác với ASEAN về các vấn đề an ninh hàng hải. Điều này được phác thảo lần đầu tiên tại Hội nghị ASEAN – Nhật Bản lần thứ 14 vào tháng 11/2011, khi hai bên đưa ra Tuyên bố hợp tác phát triển đối tác chiến lược ASEAN – Nhật Bản vì sự thịnh vượng chung (Tuyên bố Bali), cũng như một

⁸² 'Japan to Challenge China on Security', *Wall Street Journal* (19/11/2011).

⁸³ Onodera, 'Defending National Interests'; Bộ Quốc phòng Nhật Bản 2013, trang 255.

⁸⁴ Bộ Quốc phòng Nhật Bản 2013, trang 255.

⁸⁵ 'Code for Unalerted Encounters at Sea' (bản sao của tác giả), trang 4.

⁸⁶ Như trên., trang 12.

Kế hoạch hợp tác hành động để thực hiện.⁸⁷ Trong Tuyên bố Bali, ASEAN và Nhật Bản cam kết sẽ có một 'sự hợp tác mạnh mẽ hơn đối với các vấn đề hàng hải cụ thể để bảo đảm tự do di chuyển, an toàn hàng hải, thương mại không bị cản trở, và giải quyết hoà bình các tranh chấp trong khu vực theo luật biển quốc tế', trong khi Kế hoạch hợp tác hành động kêu gọi hợp tác giữa các cơ quan hàng hải, bao gồm huấn luyện và hỗ trợ nâng cao năng lực.⁸⁸ Nhật Bản cũng hỗ trợ việc thực hiện DoC và sớm ký kết CoC. Cũng tại Hội nghị Bali đó, Tokyo đề nghị Diễn đàn Hàng hải ASEAN nên được mở rộng ra bao gồm các đối tác đối thoại, để cung cấp một địa điểm cho việc thảo luận các vấn đề kiểm soát xung đột và một góc nhìn 'hài hoà' đối với an ninh hàng hải. ASEAN chấp nhận lời đề nghị của Nhật Bản và EAMF đã nhóm họp vào tháng 10/2012. Nhật Bản hy vọng rằng EAMF sẽ gặp mặt trên cơ sở thường niên.⁸⁹

Khi các căng thẳng gia tăng ở Biển Đông thì sự đoàn kết ASEAN bị đặt dưới áp lực. Mặc dù các quốc gia ASEAN cam kết đồng thuận dựa trên mẫu số chung thấp nhất – đó là, tất cả các bên đều mong muốn hoà bình và ổn định ở biển Đông; rằng tranh chấp nên được giải quyết một cách hoà bình theo luật quốc tế và không sử dụng vũ lực; và rằng Trung Quốc và ASEAN nên theo đuổi các cơ sở xây dựng niềm tin để giảm căng thẳng – khác biệt trong ý kiến và cách tiếp cận của các quốc gia thành viên, đặc biệt là giữa bên tranh chấp và không tranh chấp.⁹⁰ Điều này khiến Nhật Bản lo ngại vì hai lý do. Thứ nhất, nó cản trở nỗ lực kiểm soát tốt hơn tranh chấp, cho phép căng thẳng duy trì và gia tăng. Thứ hai, nó làm nảy sinh một quan điểm không được chào đón lắm là Trung Quốc có thể lợi dụng sự chia rẽ trong ASEAN và đối phó riêng lẻ với từng bên tranh chấp, đem về lợi ích quốc gia cho Trung Quốc. EASR năm 2011 ám chỉ những mối quan ngại này khi chỉ ra rằng 'chính sách hướng mũi nhọn của Trung Quốc vào giữa các quốc gia thành viên của Hiệp hội có thể gây ra tác động lớn lên cách ASEAN phản ứng với vấn đề'.⁹¹ Nỗi lo của Nhật Bản tỏ ra là nhìn xa trông rộng. Vào tháng 7/2012, trong thời gian Campuchia làm chủ tịch ASEAN–nước có sự kết nối chặt chẽ về chính trị và kinh tế với Trung Quốc – các ngoại trưởng ASEAN đã thất bại trong việc đưa ra một tuyên bố cuối cùng vì ngoại

⁸⁷ 'Joint Declaration for Enhancing ASEAN–Japan Strategic Partnership for Prosperity Together', xem tại: http://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/asean/conference/pdfs/bali_declaration_en_1111.pdf; 'ASEAN–Japan Plan of Action 2011–2015', Bali, Indonesia (18/11/2011), xem tại: <http://www.asean.org/archive/documents/19th%20sum-mit/JP-PoA.pdf>

⁸⁸ Như trên.

⁸⁹ 'US Wants Expanded ASEAN Maritime Forum Institutionalized', *The Philippine Star* (7/10/2012).

⁹⁰ Ian Storey, 'ASEAN is a House Divided', *Wall Street Journal* (14/6/2012).

⁹¹ East Asia Strategic Review 2011 (Tokyo: Japan Times and NIDS, 2011), trang 161.

trường Campuchia khẳng định rằng tranh chấp biển Đông không nên được đề cập đến.⁹² Theo NIDS, Bắc Kinh thật sự đã mua chuộc Campuchia bằng gói viện trợ kinh tế để bảo đảm rằng tranh chấp sẽ không được đề cập trong thông cáo cuối cùng; kết quả này là một sự thành công đối với Trung Quốc và 'là một thất bại rõ ràng về ngoại giao ASEAN'.⁹³ Khi Brunei làm chủ tịch vào năm 2013, có vẻ sự đoàn kết ASEAN lại được tạo lập, và vào tháng 5, Trung Quốc cuối cùng cũng đồng ý bắt đầu tham vấn về CoC.⁹⁴

Tuy nhiên, biểu hiện thiếu nhiệt tình của Trung Quốc đối với bất kỳ một bộ quy tắc ứng xử nào, chưa nói tới một bộ quy tắc mạnh mẽ và hiệu quả mà Nhật Bản muốn thấy, cho thấy rằng Bắc Kinh sẽ kéo dài đối thoại càng lâu dài càng tốt và cố gắng đảm bảo rằng sản phẩm cuối cùng sẽ không có nhiều hiệu lực. Nhiều khả năng CoC sẽ không thể có tác động quan trọng lên các động lực trung tâm của tranh chấp, giúp giảm nhẹ căng thẳng hay ngăn chặn các vụ việc xảy ra trên biển.

Hỗ trợ song phương của Nhật Bản dành cho các nước Đông Nam Á

Từ năm 2010, và đặc biệt là dưới thời Thủ tướng Abe, đã có một sự gia tăng đáng kể các chuyến thăm đến Đông Nam Á của các lãnh đạo cấp cao Nhật Bản. Đích thân Thủ tướng Abe cũng đã thăm khu vực hai lần trong 7 tháng đầu tiên nhậm chức.⁹⁵ Mục đích chính của các chuyến thăm là nâng cao vai trò của Nhật Bản và tăng cường hợp tác kinh tế với các quốc gia Đông Nam Á. Tuy nhiên, lãnh đạo Nhật Bản cũng xem các chuyến thăm là cơ hội để thảo luận về các vấn đề an ninh hàng hải ở Biển Đông và Hoa Đông.

Trong số 10 quốc gia thành viên ASEAN, Nhật Bản tập trung sự chú ý cụ thể vào xây dựng mối quan hệ chặt chẽ hơn với Philippines vì hai lý do. Thứ nhất, từ cuối những năm 2000, Philippines đã đứng đầu chiến tuyến trong tranh chấp với Trung Quốc (theo sau là Việt Nam). Thứ hai, Philippines có hiệp định đồng minh với Mỹ, và Tokyo đã cam kết là cải thiện mối quan hệ với các đồng minh của Mỹ.⁹⁶

⁹² Ian Storey, 'China Pushes on the South China Sea, ASEAN Unity Collapses', *China Brief*, Tập XII, Quyển 15 (4/8/2012), trang 8–11.

⁹³ East Asia Strategic Review 2013 (Tokyo: Japan Times và NIDS, 2011), trang 232.

⁹⁴ Ian Storey, 'The South China Sea Dispute (Part One): Negative Trends Continue in 2013', *China Brief*, Tập XIII, Quyển 12 (7/6/2013), trang 3–6.

⁹⁵ Thủ tướng Abe thăm Việt Nam, Thái Lan và Indonesia từ ngày 16 – 18/1 và Malaysia, Singapore và Philippines từ ngày 25 – 27/7/2013

⁹⁶ 'National Defense Program Guidelines', Bộ Quốc phòng (17/12/2010), trang 8, xem tại: http://www.mod.go.jp/e/d_act/d_policy/pdf/guidelinesFY2011.pdf

Nhật Bản bắt đầu tăng cường mối quan hệ với Philippines dưới thời Thủ tướng Noda. Trong chuyến thăm Nhật của Tổng thống Benigno Aquino vào tháng 9/2011, hai nước đã đồng ý thúc đẩy quan hệ 'đối tác chiến lược' năm 2009, bao gồm cam kết tăng cường hợp tác an ninh hàng hải song phương.⁹⁷ Trước đó vài tuần, tại buổi khai mạc Đối thoại hàng hải Nhật Bản – Philippines, một thoả thuận đã được đưa ra nhằm cải thiện sự hợp tác giữa JCG và Lực lượng Tuần duyên Philippines (PCG), trao đổi các chuyến thăm giữa người đứng đầu hải quân và tăng cường liên lạc giữa JMSDF với Philippines.⁹⁸ Năm 2012, trong một động thái quan trọng củng cố năng lực của PCG, Nhật Bản cam kết chuyển giao lên đến 10 tàu tuần tra trị giá 12 triệu đô la Mỹ từ nguồn vốn ODA.⁹⁹ Sự hợp tác quân sự - quân sự giữa Nhật Bản và Philippines cũng được phát triển, mặc dù Tokyo không thể dùng ODA để chuyển giao thiết bị cho các lực lượng vũ trang nước ngoài. Thay vào đó, sự hỗ trợ nâng cao năng lực quân sự được đưa vào dạng đào tạo và giúp đỡ phát triển nguồn nhân lực.¹⁰⁰

Vào tháng 7/ 2012 và tháng 6/2013, các bộ trưởng quốc phòng từ hai nước đã đồng ý thúc đẩy hơn nữa trao đổi quốc phòng cấp cao và đào tạo.¹⁰¹ Rõ ràng chính những mối quan ngại chung về hành xử cứng rắn của Trung Quốc trên biển đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thắt chặt hơn mối quan hệ Nhật Bản – Philippines. Chẳng hạn, vào tháng 12/2012, Ngoại trưởng Del Rosario đã có một tuyên bố gây tranh cãi rằng Philippines hoan nghênh một Nhật Bản được tái vũ trang để làm đối trọng với Trung Quốc, và vào tháng 6/2013, có báo cáo cho rằng chính quyền Aquino đang xem xét thiết lập lại sự hiện diện quân sự tại một căn cứ hải quân trước đây của Mỹ tại vịnh Subic, và rằng các lực lượng Mỹ và Nhật sẽ được phép tiếp cận thường xuyên thông qua triển khai quân luân phiên và các chuyến viếng thăm của tàu hải quân.¹⁰² Trong suốt chuyến thăm của Thủ tướng Abe đến Philippines vào tháng 7/2013, Tổng thống Aquino đã mô tả hợp tác hàng hải là một trụ cột trong đối tác chiến lược giữa hai nước.¹⁰³ Đối nghịch rõ rệt với

⁹⁷ 'Japan–Philippines Joint Statement on the Comprehensive Promotion of the Strategic Partnership between Neighboring Countries Connected by Special Bonds of Friendship, Prime Minister of Japan and His Cabinet' (27/9/2011), xem tại: http://www.kantei.go.jp/foreign/noda/diplomatic/201109/27philippines_e.html

⁹⁸ Như trên

⁹⁹ 'Japan to Give Patrol Boats to Manila Amid China Tensions', *AFP* (11/2/2013).

¹⁰⁰ East Asia Strategic Review 2013, trang 124.

¹⁰¹ 'PH and Japan Hold Defense Ministerial Talks', Bộ Quốc phòng (2/7/2012), xem tại: <http://www.dndph.org/2012-press-releases/ph-and-japan-hold-defense-ministerial-talks>; 'Japan Vows to Help Philippines Amid China Sea Row', *Straits Times* (27/6/2013).

¹⁰² 'Philippines Backs Rearming of Japan', *Financial Times* (9/12/2012); 'DND Chief Clarifies: PH No Constructing Air, Naval Bases at Subic', *Philippine Daily Inquirer* (27/6/2013).

¹⁰³ 'Japan Pledges Support for Philippines as Both Countries Confront China Over Disputed Islands', *Tờ Washington* (27/7/2013).

các thành viên ASEAN, Nhật Bản bày tỏ sự ủng hộ đối với việc Philippines nộp đơn kiện lên Liên Hiệp Quốc vào tháng 1/2013.

Nhật Bản cũng chuyển sang tăng cường các mối quan hệ với Việt Nam, bao gồm quan hệ quân sự. Vào tháng 10/2010, hai nước tuyên bố quan hệ đối tác chiến lược trong chuyến thăm của Thủ tướng Naoto Kan đến Việt Nam.¹⁰⁴ Cả hai nước đều đồng ý rằng 'tự do hàng hải, thương mại thông suốt, tuân thủ các quy định luật pháp quốc tế đã được thiết lập bao gồm [UNCLOS] và giải quyết hoà bình các tranh chấp, tất cả đều phù hợp với lợi ích của các nước trong khu vực'.¹⁰⁵ Cũng như với Philippines, Nhật Bản cũng hỗ trợ Việt Nam các tàu tuần tra nhằm giúp cải thiện việc giám sát hàng hải và ngăn chặn can thiệp của nước này.¹⁰⁶ Tuy nhiên, Tokyo không thể dùng ODA để mua tàu tuần tra cho Cảnh sát biển Việt Nam vì lực lượng này thuộc về quân đội nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, trở ngại này đã không còn từ tháng 1/2013 với sự ra đời của một cơ quan chấp pháp dân sự trên biển thuộc Tổng cục Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.¹⁰⁷ Liên kết quân sự - quân sự Nhật Bản – Việt Nam đang phát triển một cách chậm rãi. Các quan chức quân sự Việt Nam đã tham dự các buổi hội thảo đào tạo về quân y của Bộ Quốc phòng Nhật Bản.¹⁰⁸

Sự hợp tác với Mỹ và các nước khác

Nhật Bản đã mô tả sự hiện diện quân sự của Mỹ ở Châu Á – Thái Bình Dương là 'không thể thiếu' đối với hoà bình và ổn định và hoan nghênh chính sách 'xoay trục' hoặc 'tái cân bằng' của chính quyền Obama đối với khu vực.¹⁰⁹ Các quan điểm của Tokyo và Washington đối với tranh chấp Biển Đông hầu như giống nhau – hai nước này không đưa ra lập trường về các yêu sách chủ quyền lãnh thổ, ủng hộ một giải pháp hoà bình, phản đối việc sử dụng vũ lực hoặc cưỡng chế, và khuyến khích quá trình DoC/CoC – và từ năm 2010, đã phối hợp lập trường tại các diễn đàn an ninh khu vực.¹¹⁰

Về việc hỗ trợ nâng cao năng lực cho Philippines, có một sự phân công công việc rõ ràng: Mỹ chuyển giao thiết bị cho Lực lượng Vũ trang Philippines (AFP) và

¹⁰⁴Japan-Viet Nam Joint Statement on the Strategic Partnership for Peace and Prosperity in Asia', Ministry of Foreign Affairs (31 October 2010), xem tại: <http://www.mofa.go.jp/region/asia-paci/vietnam/joint1010.html>

¹⁰⁵ Như trên

¹⁰⁶ Tác giả phỏng vấn các quan chức đối ngoại cấp cao của Nhật Bản, Tokyo, 12/2012

¹⁰⁷New Forces Patrol Fishing, Secure Borders', Hãng Thông tấn Việt Nam (7/12/2012).

¹⁰⁸ Bộ Quốc phòng Nhật Bản 2013, trang 274.

¹⁰⁹ Onodera, 'Defending National Interests'.

¹¹⁰ Tác giả phỏng vấn các quan chức đối ngoại cấp cao Nhật Bản, Tokyo, 12/2012.

Nhật Bản chuyển giao cho PCG, mặc dù cả hai đều đào tạo cho quân đội và các cơ quan hàng hải dân sự của Philippines.

Thủ tướng Abe đã đề nghị rằng các nước dân chủ như Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ và Úc – còn được gọi là 'Kim cương dân chủ' - làm việc cùng nhau để 'bảo vệ lĩnh vực hàng hải chung kéo dài từ khu vực Ấn Độ Dương đến Đại Tây Dương'.¹¹¹ Ý tưởng Kim cương Dân chủ thật ra là một sự tái sinh của ý tưởng 'Bộ Tứ' (The Quad), mà ông Abe đã đề nghị trong nhiệm kỳ Thủ tướng đầu tiên của ông trong năm 2006/2007. Mặc dù sáng kiến đó được ủng hộ bởi Mỹ, nó lại không thể tiến xa vì sự thiếu nhiệt tình của New Delhi và Canberra, chủ yếu vì hai nước này lo ngại rằng Bắc Kinh sẽ xem đây như là một phần của chiến lược ngăn chặn do Mỹ dẫn đầu nhằm chống lại Trung Quốc.¹¹² Ấn Độ và Úc sẽ vẫn còn nghi ngờ, và người ta vẫn chờ xem liệu hai nước này có ủng hộ nó lần thứ hai hay không.

Kết luận

Lợi ích an ninh chính của Nhật Bản ở Đông Nam Á gắn liền với an ninh hàng hải mà an ninh kinh tế của đất nước này phụ thuộc vào. Từ khi kinh tế Nhật phát triển trong những năm 1960, các chính phủ kế nhiệm nhau đã đầu tư các nguồn lực đáng kể để phát triển an toàn và an ninh của các SLOC khu vực. Phần lớn thời gian trong Chiến tranh Lạnh, chính phủ và các ngành công nghiệp tư nhân Nhật Bản đã đầu tư thiết lập và duy trì các thiết bị dẫn đường an toàn tại các nút cổ chai chiến lược ở Đông Nam Á, đặc biệt là Eo biển Malacca. Sau Chiến tranh Lạnh, sự chú ý của Nhật chuyển sang mối đe dọa do cướp biển và cướp có vũ trang gây ra. Để giải quyết mối đe dọa, Nhật Bản đã đẩy mạnh hỗ trợ nâng cao năng lực cho các lực lượng tuần duyên khu vực và đóng vai trò lãnh đạo để khuyến khích hợp tác khu vực mạnh mẽ hơn thông qua việc trao đổi thông tin. Sự hỗ trợ của Nhật bản là một nhân tố chính giúp giảm bạo lực hàng hải ở Đông Nam Á trong nửa sau của những năm 2000.

Trong khi an toàn hàng hải và hải tặc vẫn là những vấn đề quan trọng đối với Tokyo, từ cuối những năm 2000, các nhà phân tích an ninh Nhật Bản đã âm thầm bày tỏ mối quan ngại ngày càng tăng đối với các căng thẳng đang nổi lên ở Biển Đông xung quanh tranh chấp chủ quyền lãnh thổ và ranh giới biển. Trong khi

¹¹¹ Shinzo Abe, 'Asia's Democratic Security Diamond', *Project Syndicate* (27/12/2012), xem tại: <http://www.project-syndicate.org/commentary/a-strategic-alliance-for-japan-and-india-by-shinzo-abe>

¹¹² Peter Drysdale, 'China and India and the Transition of Regional Power', *East Asia Forum* (17/1/2011), xem tại: <http://www.eastasiaforum.org/2011/01/17/china-and-india-and-the-transition-of-regional-power-2/>

Nhật Bản không phải là một bên tranh chấp, và không có tuyên bố chủ quyền, nước này vẫn bị bất an bởi hành vi ngày càng cứng rắn của Trung Quốc và khả năng các SLOC quan trọng bị gián đoạn. Cũng quan trọng không kém là việc Nhật Bản lo ngại rằng nếu Trung Quốc chiếm ưu thế trong tranh chấp với các nước Đông Nam Á, các quy chuẩn luật pháp quốc tế sẽ bị làm suy yếu, và các lợi ích quốc gia ở Biển Đông và Hoa Đông sẽ bị thiệt hại. Để duy trì nguyên trạng, Nhật Bản đang theo đuổi nhiều chiến lược cùng một lúc: quốc tế hoá tranh chấp tại các diễn đàn đa phương; khuyến khích sự đoàn kết của ASEAN; cung cấp hỗ trợ nâng cao năng lực với các nước tranh chấp, đặc biệt là Philippines; và điều phối quan điểm với Mỹ.

Ở mức độ chính thức, Trung Quốc chưa phản ứng với chính sách chủ động hơn của Nhật đối với Biển Đông, mặc dù cơ quan truyền thông nhà nước đã buộc tội Tokyo tham gia cùng Washington 'thả câu trong vùng biển động' và khẳng định 'trục' Nhật Bản – Philippines được thiết kế để 'đôi đầu với Trung Quốc' và 'sẽ phải chịu thất bại'.¹¹³ Sự ủng hộ của Nhật Bản đối với một giải pháp đa phương đối với tranh chấp, cũng như nỗ lực của nước này để 'quốc tế hoá' vấn đề tại các diễn đàn an ninh khu vực, rõ ràng là xung đột với chính sách của Trung Quốc. Nhưng đối với Nhật Bản, các lợi ích là quá cao nên không thể đứng yên làm khán giả. Dù hai nước đã đôi đầu trong vấn đề biển Hoa Đông, Biển Đông vẫn có thể trở thành một điểm tranh chấp ngày càng tăng trong quan hệ Trung Quốc – Nhật Bản.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

¹¹³ 'Clearing the Sea of Troubles', *China Daily* (4/5/2013); 'Feeble Japanese–Philippine "axis" doomed', *Global Times* (25/7/2013).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
